TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2026/DS-ST
Ngày: 17-7-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngụy Mộng Cầm.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2026/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2; trụ sở chính: Lầu A, Tòa nhà C, 7 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Narita C. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim T. (Văn bản ủy quyền số 98/2025/UQ-JIVF ngày 24/7/2025).

Người đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Kim T*:* Ông Ngô Văn T1 – Công ty L; địa chỉ: số A, đường N, khóm E, phường T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Thành N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số A, khóm T, phường L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện nguyên đơn Công ty T2 *Jaccs trình bày:*

Ngày 17/9/2023 anh Lê Thành N ký hợp đồng tín dụng với Công ty T2 (gọi tắt là Công ty T2) vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 46.44%. Thời hạn vay 24

tháng. Anh N đã được nhận số tiền trên theo thỏa thuận. Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì anh N có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 24 tháng, mỗi tháng anh N phải thanh toán số tiền 1.953.503 đồng vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 23/10/2023.

Từ ngày 22/10/2023 đến ngày 04/02/2026 anh N đã thanh toán được số tiền 3.742.021 đồng (trong đó tiền gốc 2.940.135 đồng, lãi trong hạn 801.886 đồng). Từ ngày 04/02/2026, anh N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cố tình lẩn tránh.

Công ty T2 yêu cầu anh N phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 02/7/2026 là 43.941.584 đồng (trong đó: Nợ gốc 27.059.865 đồng, lãi trong hạn 14.068.425 đồng, lãi quá hạn 2.657.294 đồng, phí 156.000 đồng). Yêu cầu anh N thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn và phí sau ngày 02/7/2026 đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thành N đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh N phải trả 43.941.584 đồng (trong đó: Nợ gốc 27.059.865 đồng, lãi trong hạn 14.068.425 đồng, lãi quá hạn 2.657.294 đồng, phí 156.000 đồng) tính đến này 17/7/2026. Yêu cầu anh N thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn và phí sau ngày 17/7/2026 đến khi trả hết nợ.

Bị đơn anh Lê Thành N được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Thành N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 17/9/2023. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn Lê Thanh N1 có nơi cư trú trên địa bàn phường L, tỉnh Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Thành N phải trả 43.941.584 đồng (trong đó: Nợ gốc 27.059.865 đồng, lãi trong hạn 14.068.425 đồng, lãi quá hạn 2.657.294 đồng, phí 156.000 đồng) tính đến này 17/7/2026. Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi quá hạn và phí sau ngày 17/7/2026 đến khi trả hết nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 17/9/2023, anh Lê Thành N ký hợp đồng tín dụng với Công ty T2 để vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 46.44%, thời hạn vay 24 tháng. Trong thời gian vay anh N đã thanh toán được số tiền nợ gốc 2.940.135 đồng, còn nợ tiền gốc 27.059.865 đồng, đã vi phạm các Điều 3, Điều 8 của hợp đồng tín dụng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty T2 theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi, phí: Đến ngày 17/7/2026, Công ty T2 xác định anh Lê Thành N còn nợ lãi nợ lãi trong hạn 14.068.425 đồng, nợ quá hạn 2.657.294 đồng, phí 156.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất và phí quy định tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng. Công ty T2 yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh và phí theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn Lê Thành N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Công ty T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 Jaccs.

Buộc bị đơn Lê Thành N phải trả cho Công ty T2 Jaccs số tiền tổng cộng là 43.941.584 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm tám

mươi bốn đồng) trong đó: Nợ gốc 27.059.865 đồng, lãi trong hạn 14.068.425 đồng, lãi quá hạn 2.657.294 đồng, phí 156.000 đồng)tính đến ngày 17/7/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/7/2026) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T2 cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T2 cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Lê Thành N phải chịu 2.197.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty T2 Jaccs không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.111.000 đồng (một triệu một trăm mười một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002622 nộp ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND KV1 - VL;
- Phòng THADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Hải Châu